

Bản án số: 17/2021/HNGĐST
Ngày: 31-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 943/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Thế B, sinh năm 1989, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Hồng S, sinh năm 1986, vắng mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 173/11/3, ấp B, xã P, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lý Thế B trình bày: Ông B và bà Trần Hồng S kết hôn với nhau từ năm 2009. Có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn về trách nhiệm đối với con cái nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc,

không ai quan tâm đến ai. Nay ông B nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà Trần Hồng S.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông B và bà S có 02 con chung là cháu Lý Triệu M, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Lý Bảo T, sinh ngày 01/01/2011. Khi ly hôn, ông B yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Hồng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Tuy nhiên bà S không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lý Thế B vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Hồng S vắng mặt không lý do. Nguyên đơn ông B không có yêu cầu thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ nội dung khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Lý Thế B khởi kiện bị đơn bà Trần Hồng S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn bà Trần Hồng S có địa chỉ cư trú tại xã P, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lý Thế B và bà Trần Hồng S chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, thị xã B, tỉnh B, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông B và bà S chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, trong đó có mâu thuẫn về trách nhiệm đối với con cái nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng còn sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai. Ông B cho rằng mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà Trần Hồng S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Trần Hồng S nhiều lần để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải đoàn tụ hôn nhân nhưng bà S cố tình vắng mặt, không có lý do. Điều này cho thấy rằng bà S đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cuộc sống vợ chồng với ông B, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lý Thế B và bà Trần Hồng S đã đến mức trầm trọng không thể đoàn tụ được, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng cho nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Lý Thế B được ly hôn với bà Trần Hồng S.

[2.2] Về con chung: 02 Cháu Lý Triệu M, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Lý Bảo T, sinh ngày 01/01/2011 đều đã trên 07 tuổi. Theo tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Nên cần áp dụng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Lý Thế B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Ông B không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Lý Thế B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thế B đối với bị đơn bà Trần Hồng S về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Ông Lý Thế B được ly hôn với bà Trần Hồng S.

Về con chung: Ông Lý Thế B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Triệu M, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Lý Bảo T, sinh ngày 01/01/2011. Ông B không yêu cầu bà Trần Hồng S cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích hợp pháp của con chung dưới 18 tuổi, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Lý Thế B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0048302 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã P, thị xã B, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung